

CHUYÊN MỤC

KHOA HỌC XÃ HỘI THẾ GIỚI

NGHIÊN CỨU VỀ GIA ĐÌNH VÀ CÁC LÝ THUYẾT TIẾP CẬN

NGUYỄN THỊ NHUNG

Có nhiều cách khác nhau để hiểu về gia đình, và mỗi lý thuyết có một cách tiếp cận riêng biệt. Bài viết nhìn lại các lý thuyết tiếp cận đã từng được sử dụng nhiều trong lĩnh vực nghiên cứu này, như thuyết cấu trúc chức năng, thuyết xung đột, thuyết trao đổi, thuyết chu trình, thuyết nữ quyền... Có thể thấy các lý thuyết tiếp cận thay đổi theo thời gian và sự thay đổi của các lý thuyết đi cùng với sự thay đổi của gia đình và xu hướng xã hội. Và việc tiếp cận nghiên cứu gia đình theo lý thuyết nào có ảnh hưởng đến những kiến nghị và chính sách được đưa ra.

Gia đình là những người có quan hệ hôn nhân và huyết thống, sống cùng nhau và cùng chia sẻ những cảm xúc, những nguồn tài chính. Tuy nhiên, hiện nay khái niệm gia đình cũng đã thay đổi, có nhiều gia đình có những thành viên sống ở những quốc gia khác nhau. Nhiều người ly dị và tái hôn và đã tạo ra một gia đình gồm những đứa con là anh chị em hoàn toàn, nửa anh chị em, hoặc anh chị em ghê rất phức tạp. Còn có những gia đình gồm những cặp vợ chồng đồng tính nam và những đứa con nuôi, hoặc là sử dụng tiện ích của kỹ thuật trong việc điều trị

khả năng sinh sản để tạo ra một gia đình. Ngoài ra, còn có những cặp sống thử với nhau như là vợ chồng cho đến khi có những đứa con trong hộ gia đình. Hôn nhân và hôn nhân khác giới đã không còn là quan trọng đối với thiết chế gia đình trong nhiều thập kỷ qua. Trong khi chúng ta còn bám lấy khái niệm gia đình lý tưởng gồm mẹ, cha và con cái sống trong một ngôi nhà, thì thực tế về gia đình đã trở nên rộng và bao gồm nhiều thứ hơn. Ở những nước phát triển, kiểu đa dạng về gia đình đã được chấp nhận.

Đồng thời với việc định nghĩa về gia đình đã và đang thay đổi, thì khái niệm về vai trò của cá nhân trong gia đình cũng thay đổi. Vào thập niên 1950, những bà mẹ, ông bố bị hạn chế trong vai trò nghiêm

ngặt là mẹ thì chăm sóc con cái, bố là trụ cột trong gia đình. Tuy nhiên, khi phụ nữ bước vào thị trường lao động với số lượng khổng lồ trong nhiều thập kỷ qua, thì việc hiểu về vai trò của những cá nhân trong gia đình cũng đã thay đổi. Vì vậy, mong đợi của chúng ta về những gì mà người mẹ làm và những gì mà người bố làm là hoàn toàn khác.

Những lý thuyết giới thiệu dưới đây, không lý thuyết nào là cách tiếp cận tốt nhất để hiểu về gia đình, nhưng mỗi lý thuyết giải thích một khía cạnh khác nhau của đời sống gia đình. Hơn nữa, ngay trong cùng một khung lý thuyết, cũng không có sự nhất trí giữa các học giả.

1. LÝ THUYẾT CẤU TRÚC CHỨC NĂNG (STRUCTURAL FUNCTIONAL THEORIES)

Trong những năm 1950, nhiều học giả nghiên cứu về gia đình đã bắt đầu phát triển lý thuyết một cách có hệ thống hơn để kết nối gia đình đến với những thể chế xã hội khác. Talcott Parsons là một trong những học giả chịu trách nhiệm chính cho việc phát triển một cách có hệ thống về lý thuyết gia đình vào những năm 1950 và những bài viết của ông có tầm ảnh hưởng đến hôm nay. Trong tác phẩm *Family Socialization and the Interaction Process* (1955), Parsons and Bales đã giải thích rằng thiết chế của gia đình đã thay đổi để phù hợp với những nhu cầu thay đổi của xã hội. Cụ thể, sự gia tăng của hệ thống công nghiệp qui mô lớn đã đưa đến sự phân hóa những chức năng xã hội trong nhiều thiết chế xã hội, bao gồm cả gia đình. Những chức năng khi được thực hiện bởi gia đình như sự sản xuất và giáo dục đã được kế

tục bởi những thiết chế xã hội khác. Gia đình đã thích nghi với những thay đổi lớn của xã hội để trở thành gia đình nhỏ hơn (gia đình hạt nhân) và chuyên môn hóa hơn. Thay vì thực hiện một phạm vi rộng của chức năng, Parsons đã lập luận rằng gia đình hiện đại chỉ tập trung vào hai chức năng chính: 1) giáo dục trẻ em, 2) cung cấp sự ủng hộ và tình cảm yêu mến đến những thành viên trong gia đình. Parsons đã lập luận rằng gia đình hạt nhân tách biệt là một ý tưởng phù hợp với xã hội công nghiệp hiện đại bởi vì những thành viên trưởng thành được phân chia trách nhiệm cho sự tồn tại của gia đình dọc theo đường dây giới. Vì mối quan hệ sinh học giữa mẹ và con cái, những người mẹ có vai trò nuôi nấng, trong nom nhà cửa, trong khi những người cha hoàn thành vai trò của mình là làm việc ngoài gia đình.

Chế độ làm công ăn lương cho phép các cặp vợ chồng có sự độc lập lớn hơn đối với cha mẹ họ, hơn nữa các điều kiện kinh tế và xã hội của việc làm tạo ra các điều kiện phân chia vai trò tương đối bình đẳng. Các mối ràng buộc giữa các thành viên trong gia đình, được giả thuyết là cần thiết cho sự phát triển của xã hội công nghiệp. Gia đình được tạo dựng như một cấu trúc các vai trò, cấu trúc này được khách quan hoá bởi sự khác biệt vai trò giữa bố và mẹ, sự khác biệt phân cực theo một mục đích mới. Đặc điểm đặc trưng của gia đình là sự phân chia các vai trò theo giới tính biến người đàn ông thành người cung ứng, "với vai trò công cụ", còn người đàn bà với vai trò "biểu cảm" ở nhà, nuôi nấng con cái. Làm điều đó, người vợ đảm

nhận một nhiệm vụ cơ bản, tạo ra những cá nhân có khả năng lao động vì sự phát triển của xã hội công nghiệp. Nhóm gia đình này, qui mô nhỏ, tách biệt khỏi quan hệ thân tộc, được xây dựng trên cơ sở kết hôn vì tình yêu, kết hợp hai đối tác lựa chọn nhau một cách tự do (Martin Segalen, 2010, tr. 173).

2. LÝ THUYẾT XUNG ĐỘT (CONFLICT THEORIES)

Vào những năm 1960 và 1970, những thách thức đến với quan điểm cấu trúc chức năng về gia đình đã xuất hiện. Một số nhà nghiên cứu chống lại quan điểm cho rằng sự thịnh hành của gia đình hạt nhân và sự phân chia lao động theo giới trong gia đình là cần thiết trong những xã hội hiện đại, bằng việc chỉ ra rằng quan hệ họ hàng vẫn quan trọng và vai trò xã hội không luôn luôn được phân chia theo giới (Goldthorpe, 1987). Hơn nữa, các học giả cũng phê bình chủ nghĩa cấu trúc chức năng là đã bỏ qua tính cạnh tranh về quyền lợi của những cá nhân trong gia đình. Lý thuyết xung đột nổi bật trong giai đoạn này đã nhấn mạnh đến tính cạnh tranh về những lợi ích của các cá nhân trong gia đình và ảnh hưởng lẫn nhau giữa gia đình với những thiết chế xã hội khác. Những quan điểm nghiên cứu theo thuyết xung đột về gia đình bắt đầu nổi lên, đặc biệt là trong nghiên cứu về bạo hành gia đình (Gelles, 1974) và phân chia lao động trong gia đình (Blood and Wolfe, 1965).

Trong cách tiếp cận xung đột, thì yếu tố quan trọng là quyền lực. Mọi người trong gia đình đều có quyền lực ở mức độ khác nhau. Cá nhân nào, nhóm nào có nhiều quyền lực nhất thì thắng trong

cuộc xung đột. Quyền lực, theo B. Strong, bắt nguồn từ bốn nguồn gốc: 1) tính hợp pháp, chính danh; 2) tiền bạc là cơ sở kinh tế cho quyền lực; 3) cương bức về thể xác cũng là một nguồn gốc quan trọng của quyền lực; 4) quyền lực của tình yêu và tính dục (Phạm Huy Bích, 2010, tr. 191-192).

Trong suốt thời gian này, những học giả nữ quyền cũng bắt đầu phê bình khái niệm của Parsons rằng chức năng gia đình tin vào biểu hiện chống lại sự khác nhau có tính công cụ của vai trò giới trong gia đình. Theo những nhà nữ quyền, sự khác nhau đó đã củng cố thêm vai trò giới truyền thống và đưa đến bất bình đẳng giữa nam và nữ.

3. LÝ THUYẾT TRAO ĐỔI (EXCHANGE THEORY)

Lý thuyết trao đổi xem xét những mối quan hệ xã hội như là những tập hợp của trao đổi và lý thuyết này dựa trên những nguyên tắc của lý thuyết kinh tế để giải thích những hành vi quan hệ trong gia đình như hôn nhân, ly dị, sinh nở, công việc gia đình, và những sự chăm sóc phụ thuộc. Lý thuyết dựa trên nền tảng kinh tế này đã đạt được những thành tựu nổi bật trong nghiên cứu gia đình những năm 1960 và 1970.

Có ba giả định cơ bản của lý thuyết trao đổi. Thứ nhất, mỗi tương tác được tiêu biểu bởi sự trao đổi nguồn lực (resources). Thứ hai, cá nhân là những người lý tính, hướng đến tương lai, những người cân nhắc lợi ích và giá cả trước khi hành động. Thứ ba, những cá nhân chọn lựa để giữ lại trong trao đổi của họ sự hạnh phúc tốt nhất. Với những chấp nhận như

vậy thì trao đổi cung cấp một động cơ thúc đẩy trong mỗi người. Con người tương tác bởi vì con người cần mọi thứ như tình yêu, sự giúp đỡ, tiền bạc, sự thoải mái, thông tin... từ người khác, và tương tác là có động cơ thúc đẩy vì mong muốn đạt được hạnh phúc.

Lý thuyết trao đổi thường kết hợp chặt chẽ với những thành phần của lý thuyết xung đột, cụ thể như quan tâm đến mối quan hệ quyền lực bất bình đẳng trong gia đình. Bởi vì những cá nhân bước vào trao đổi với ít hoặc nhiều hơn quyền lực sẽ đưa đến trao đổi có xu hướng là không đối xứng. Kết quả là, một cá nhân với ít quyền lực hơn cần phải trao đổi nhiều tài nguyên hơn một cá nhân có nhiều quyền lực hơn để duy trì một sự trao đổi.

4. LÝ THUYẾT CHU TRÌNH SỐNG (LIFE-COURSE THEORY)

Lý thuyết chu trình sống quan tâm đến cách mà cuộc sống cá nhân bị ảnh hưởng bởi thay đổi lịch sử, cũng như cách mà họ bị gắn vào trong những thiết chế xã hội (như gia đình, công việc, và học vấn). Tác phẩm chính đầu tiên, tiêu biểu cho cách tiếp cận chu trình sống là *Children of the Great Depression* của Glen Elder (1974). Bằng cách lần theo cuộc sống của một thế hệ trẻ em lớn lên trong suốt thời khủng hoảng, Elder khám phá ra cách mà những gia đình hội nhập với những thử thách gay go của kinh tế và ngược lại cách mà mỗi gia đình hội nhập đã ảnh hưởng đến đời sống của cá nhân. Elder đã trình bày rằng chính những đứa trẻ này, những người phải đối mặt với sự nghèo khổ trong suốt thời trẻ của họ, đã cố gắng vượt qua kinh

nghiệm sớm này bằng việc đăng ký vào quân đội, để tìm được công việc tốt và kết hôn.

Triển vọng của lý thuyết chu trình sống tập trung vào thời gian và những thay đổi qua thời gian. Để xem xét việc thay đổi qua thời gian, xem xét quá trình chuyển đổi và quá trình đường đi. Quá trình chuyển đổi là những sự kiện rời rạc, giống như ly dị hoặc cái chết của bố/ mẹ và những nhà xã hội học nghiên cứu chúng để tìm ra cách mà những sự chuyển đổi chắc chắn ảnh hưởng đến những cá nhân. Một đường đi (biên niên đại) xem xét một loạt những năm trong đời sống của mỗi người, ví dụ như việc vào hoặc ra từ lực lượng lao động qua một loạt những năm, hoặc là đi lên hoặc đi xuống trong thu nhập của gia đình qua các năm.

Những học giả nghiên cứu chu trình sống cũng chia ý tưởng bởi tuổi, giai đoạn, đoàn hệ (cohort). Tuổi của một người chắc chắn sẽ có ngụ ý, ví dụ khi một người lớn tuổi sẽ gặp nhiều rắc rối về sức khỏe. Giai đoạn lịch sử mà con người sống có một tác động lớn về thái độ và niềm tin, mà Elder đã tìm ra trong nghiên cứu của mình về trẻ em trong thời đại khủng hoảng. Cuối cùng, đoàn hệ bao gồm những người được sinh ra cùng thời, hoặc những thành viên cùng thế hệ.

Việc tập trung vào thời gian, lịch sử và sự thay đổi là một đổi mới rất quan trọng trong nghiên cứu về cuộc sống gia đình trong nhiều năm qua. Nó giúp những học giả nghiên cứu về gia đình tập trung hơn vào sự phát triển của trẻ em qua thời gian trong những kiểu gia đình hơn là so

sánh việc đạt được của trẻ em tại một thời điểm nhất định. Những sự kiện lịch sử chính, có thể được phân tích cho cách mà họ có thể bị ảnh hưởng về tỉ lệ sinh đẻ, và tỉ lệ hôn nhân, và tỉ lệ ly dị. Phương pháp tiếp cận của lý thuyết chu trình sống là thiên về lịch đại hơn, trong khi đó phương pháp tiếp cận của lý thuyết tương tác biểu tượng và lý thuyết cấu trúc chức năng là thiên về đồng đại hơn.

5. NHỮNG LÝ THUYẾT NỮ QUYỀN (FEMINIST THEORIES)

Những lý thuyết nữ quyền cũng đã có một ảnh hưởng sâu đậm đến nghiên cứu cuộc sống gia đình qua nhiều thập kỷ. Ở mức độ cơ bản nhất, những lý thuyết nữ quyền tập trung vào nghiên cứu bất bình đẳng giới. Về mặt gia đình, những nhà nữ quyền giai đoạn đầu rất quan tâm đến việc phân công lao động trong gia đình và bạo hành gia đình. Những người theo quan điểm nữ quyền chính thống đầu tiên đã coi sự phân công lao động theo giới trong gia đình và việc đưa phụ nữ vào lĩnh vực công việc gia đình chính là cội nguồn của bất bình đẳng với phụ nữ. Những nhà nữ quyền tự do tập trung vào các chủ đề bạo lực gia đình và sự dễ tổn thương về kinh tế của những người nội trợ, họ cho rằng cần phải có một vài điều chỉnh trong lĩnh vực gia đình để bảo vệ sự an toàn và phúc lợi cho phụ nữ. Các lý luận gia của chủ nghĩa nữ quyền triệt để lên án sự phân biệt giới, áp bức trong gia đình, trong cuộc sống cá nhân (Đỗ Thị Bình, 2006, tr. 114-125). Những nghiên cứu về gia đình đã dựa nhiều vào lý thuyết nữ quyền và lý thuyết quan hệ giới ngày càng tăng. Theo lý thuyết nữ

quyền, những khái niệm về giới có cùng khuôn mẫu cơ bản với những kinh nghiệm gia đình.

Lý thuyết vai trò là một trong những lý thuyết sớm nhất xem xét cách mà phụ nữ và đàn ông hành động trong gia đình. Xem xét này tập trung vào quan điểm về vai trò giới và cách mà phụ nữ và đàn ông đã được xã hội hóa trong những bản sắc giới khác nhau. Trong nghiên cứu về việc nhà, những học giả nghiên cứu theo chuẩn mực cho rằng công việc nhà và chăm sóc trẻ là lao động của phụ nữ. Tại sao phụ nữ được cho là phù hợp hơn với công việc chăm sóc trẻ và việc nhà. Câu trả lời lớn nằm ở chỗ những bé gái đã được xã hội hóa vào vai trò của nữ. Những bé gái được chơi búp bê, nhà búp bê, và kết quả là chúng có ý thức rằng để trở thành một đứa con gái là phải quan tâm chăm sóc những người khác. Ngược lại, những bé trai được khuyến khích rằng chơi thể thao, học tính ganh đua và sự gây hấn cần thiết cho sự thành công trong công việc lao động có trả lương.

Một vài nhà nữ quyền đã phê phán lý thuyết vai trò vì quan niệm giới như một đặc trưng cá nhân, cho rằng một cách khác để nghĩ về giới là đặc trưng cấu trúc (Risman, 1987). Theo quan điểm này, giới là một hiện tượng kiến tạo xã hội phụ thuộc vào bối cảnh (West and Zimmerman, 1987): đàn ông và phụ nữ khác nhau bởi vì họ gặp phải giới hạn cấu trúc khác nhau và bối cảnh văn hóa, không phải vì bản sắc giới của họ là cố hữu hoặc cố định. Dưới ảnh hưởng của trường phái tương tác biểu tượng và trường phái kịch nghệ của Erving

Goffman (dẫn theo Tait Runnfeldt Medina and Julie E. Artis, 2013, tr. 198), giới được khái niệm hóa là một sự đạt được hàng ngày và theo lịch trình; xảy ra khi đàn ông và phụ nữ tương tác với nhau. Bởi vậy, những người chồng và những người vợ hành động trong gia đình theo những cách đã được giới tính hóa để biểu lộ bản sắc giới tính của họ.

Trường phái học thuật nữ quyền không chỉ tập trung về bất bình đẳng giới mà còn nghiên cứu cách mà giới cùng với chủng tộc, giai cấp, dân tộc, và xu hướng tình dục, đã đưa đến những kinh nghiệm khác nhau, thách thức khác nhau, và cơ hội khác nhau. Những học giả nữ quyền xuyên quốc gia và đa chủng tộc cho rằng những nhà nữ quyền giai đoạn đầu chỉ khái quát hóa kinh nghiệm của những phụ nữ trung lưu da trắng ở những quốc gia phương Tây, không nhận ra rằng kinh nghiệm của những phụ nữ là khác nhau, phụ thuộc vào chủng tộc, giai cấp, dân tộc và xu hướng tình dục. Từ đó hình thành nên thuyết nữ quyền đa chủng tộc (Multiracial Feminist Theory).

Theo thuyết nữ quyền đa chủng tộc, đầu tiên, giới được liên kết với chủng tộc, giai cấp, tình dục, và quốc gia, và những nhà nghiên cứu cần phải nghĩ về những vấn đề này như là bất bình đẳng lồng vào nhau (Baca Zinn and Dill, 1996). Thứ hai, nữ quyền đa chủng tộc không chỉ tập trung vào màu da của phụ nữ mà còn cung cấp cách để nghĩ về nhiều hệ thống khác của bất bình đẳng trong xã hội. Trong cùng một thời điểm, một người có thể có cơ hội bởi vì một đặc điểm này nhưng lại bị giới hạn bởi một đặc điểm khác. Ví dụ, một người đàn ông da trắng,

thuộc tầng lớp lao động có thể có kinh nghiệm trong một vài thuận lợi vì chủng tộc và giới của ông ta (da trắng, nam giới) nhưng có vài bất lợi vì giai cấp của ông ta (tầng lớp lao động). Thứ ba, triển vọng này nhấn mạnh đến kinh nghiệm sống của phụ nữ và đàn ông như là một cách để tạo ra kiến thức mới. Thí dụ, bằng việc nghiên cứu lập trường của một phụ nữ nhập cư Mexican nghèo trong hệ thống bất bình đẳng lồng vào nhau, chúng ta đạt được nhận thức mới về thế giới mà không cần có chứng cứ từ một lập trường quan điểm đặc quyền nào (Tait Runnfeldt Medina and Julie E. Artis, 2013, tr. 199).

6. NHỮNG LÝ THUYẾT VỐN VĂN HÓA XÃ HỘI (THEORIES OF SOCIAL AND CULTURAL CAPITAL)

Những nhà xã hội học cũng quan tâm đến tiến trình xã hội hóa trong gia đình, đó là cách cha mẹ định hướng cho sự hiểu biết của trẻ con đối với thế giới xung quanh chúng. Đặc biệt, nhiều nghiên cứu hiện tại đã khám phá ra việc nuôi nấng con cái có khác nhau giữa các giai tầng xã hội khác nhau, và đây là cách mà tiến trình xã hội hóa này có thể tái sản xuất ra sự phân tầng từ thế hệ này đến thế hệ khác.

Những nhà xã hội học thường thảo luận về bất bình đẳng xung quanh những thể thức đa dạng về vốn, hoặc nguồn lực, mà những cá nhân có. Những kiểu cơ bản của vốn bao gồm vốn con người (ví dụ như học vấn, tập huấn đặc biệt) và vốn kinh tế (ví dụ như thu nhập hoặc sự giàu có). Những nhà xã hội học đã hình thành nên hệ thống những lý thuyết khác nhau của nguồn vốn. Những khái niệm

vốn văn hóa (Bourdieu, 1984) và vốn xã hội (Coleman, 1988) giúp chúng ta hiểu tại sao và bằng cách nào mà bất bình đẳng tồn tại dai dẳng.

Tác phẩm của Pierre Bourdieu đặt trọng tâm vào tiến trình xã hội hóa, đặc biệt là cách mà những cá nhân trong những vị trí xã hội khác nhau được xã hội hóa trong những cách khác nhau. Khái niệm của Bourdieu về habitus và vốn được sử dụng là để giải thích cách mà xã hội hóa diễn ra. Habitus được định nghĩa như là toàn thể các tâm thế hành vi được học và được thấm thấu vào cá nhân. Cá nhân có khuynh hướng tái tạo các tâm thế hành vi ấy bằng cách kích hoạt các khung hành vi và thích ứng chúng với các điều kiện hay hoàn cảnh mà họ sống trong đó. Ông lập luận rằng những khuynh hướng này trở nên hiển nhiên và tự nhiên. Vì trẻ con lớn lên cùng với những đũa trưởng thành, cho nên những khuynh hướng này có thể được chuyển thành một mô hình có giá trị hoặc vốn văn hóa. Những nhà xã hội học gia đình nhờ đến lý thuyết của Bourdieu, đặc biệt là ý tưởng về habitus, khi việc khái niệm hóa hàm ý về những kiểu khác nhau trong hành xử nuôi nấng con cái tuổi ấu thơ.

James S. Coleman phát triển một khái niệm của vốn xã hội, tập trung vào việc tiếp cận mạng lưới xã hội. Về mặt gia đình, tác giả lập luận rằng mô hình vốn xã hội định hướng sự tạo thành vốn con người. Nghiên cứu của ông về tỉ lệ bỏ học của học sinh cho thấy có mối quan hệ với vốn xã hội trong gia đình và từ đó tác giả đã khẳng định rằng vốn xã hội của các bậc cha mẹ có ảnh hưởng rất lớn đến kết quả học tập của con cái họ.

KẾT LUẬN

Sự thay đổi trong lý thuyết nghiên cứu gia đình xảy ra đồng thời với sự thay đổi trong những mối quan hệ gia đình và xu hướng xã hội. Có nhiều cách khác nhau để hiểu về gia đình, và mỗi lý thuyết có một cách tiếp cận riêng biệt. Lý thuyết mà chúng ta chọn sử dụng để nghiên cứu gia đình chịu ảnh hưởng bởi cách mà chúng ta quan niệm về gia đình. Cách mà chúng ta nhìn gia đình cũng đưa đến sự khác biệt trong các giải pháp chính sách và luật pháp. Vì vậy khung phân tích lý thuyết của từng nhà nghiên cứu là rất quan trọng để nhà nghiên cứu có thể đưa ra những đề nghị chính sách cần thiết và phù hợp trong hoàn cảnh cụ thể của đối tượng đang nghiên cứu. □

TÀI LIỆU TRÍCH DẪN

1. Baca Zinn, Maxine, and Bonnie Thornton Dill. 1996. *Theorizing Difference from Multiracial Feminism*. *Feminist Studies* 22.
2. Blood, Robert, and Donald Wolfe. 1965. *Husbands and Wives: Dynamics of Married Living*. New York: Free Press.
3. Bourdieu, Pierre. 1984. *Distinction: Social Critique of the Judgment of Taste*. Cambridge, MA: Harvard University Press.
4. Coleman, James S. 1988. *Social Capital in the Creation of Human Capital*. *American Journal of Sociology* 94: S95-S120.

5. Đỗ Thị Bình. 2006. *Các trường phái lý thuyết nữ quyền trong nghiên cứu gia đình* - in trong *Nghiên cứu gia đình: Lý thuyết nữ quyền, quan điểm giới* (Lê Ngọc Văn chủ biên). Hà Nội: Nxb. Khoa học Xã hội.
6. Elder, Glen. 1974. *Children of the Great Depression*. Chicago: University of Chicago Press.
7. Gelles, Richard J. 1974. *The Violent home: A Study of Physical Aggression between Husbands and Wives*. Beverly Hills, CA: Sage.
8. Goldthorpe, J. E. 1987. *Family Life in Western Societies: A Historical Sociology of Family Relationship in Britain and North America*. Cambridge: Cambridge University Press.
9. Mai Huy Bích. 2010. *Xã hội học về gia đình*. Hà Nội: Nxb. Khoa học xã hội.
10. Martin, Segalen. 2010. *Xã hội học gia đình* (bản dịch của Phan Ngọc Hà, 2013). Hà Nội: Nxb. Thế giới.
11. Parsons, Talcott and Robert F. Bales. 1955. *Family Socialization and the Interaction Process*. New York: Free Press.
12. Risman, Barbara, J. 1987. *Intimate Relationships from a Microstructural Perspective: Men Who Mother*. Gender and Society 1.
13. Tait Runnfeldt Medina and Julie E. Artis. 2013. *Contemporary Theories of Family life*. In *Rethinking Contemporary Social Theory* (Edited by Roberta Garner, Black Hawk Hancock, and Grace Budrys). London: Paradigm Publisher.